TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 7 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Thành Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Khắc Phi;**
Ông **Đào Duy Thãi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Nhữ Thật** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969 (Có mặt);
Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1968 (Có mặt);
Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Anh Ngô Văn D, sinh năm 1988 (Vắng mặt – có yêu cầu);
+ Chị Ngô Thị Thùy D1, sinh năm 1989 (Vắng mặt – có yêu cầu);
+ Chị Ngô Thị Bích D2, sinh năm 1993 (Vắng mặt – có yêu cầu);
Đồng trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Ngô Văn T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 1986, đến ngày 03/12/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, với nguyên nhân: Ông T không chung thủy, quan hệ ngoại tình với người khác, không yêu thương vợ con, thường xuyên đánh đập bà. Gia đình đã nhiều lần bàn bạc, khuyên nhủ để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng không được. Do đó vợ chồng cắt dứt quan hệ và sống ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm thật sự không còn yêu thương nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông Ngô Văn T.

*** Về con chung**: Có 03 người con chung, tên: Ngô Văn D, sinh năm 1988; Ngô Thị Thùy D1, sinh năm 1989 và Ngô Thị Bích D2, sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Về tài sản chung**:

- Diện tích 9238m^2 **(**Đất ở 300m^2, đất trồng cây hàng năm 8938m^2) tại thửa đất 100, tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06659, cấp ngày 14/02/2007). Trên thửa đất này có xây dựng: Nhà cấp 4 (Mã hiệu N5), tường xây gạch vét vôi, nền láng vữa xi măng, chiều cao thông thủy trên 3m, xây dựng năm 1994, diện tích nhà: 90,6m^2; 01 chuồng bò, heo diện tích 25,2m^2; 01 nhà tắm diện tích: 03m^2; 01 giếng nước **x**ây gạch, đường kính 1,5m, sâu 5m (Tài sản này hiện ông T quản lý, sử dụng);

- Diện tích đất 990m^2 tại thửa đất 229, tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06660, cấp ngày 14/02/2007). Diện tích đất này bà đang quản lý, sử dụng.

- Diện tích 540m^2 tại thửa đất 686, tờ bản đồ số 25 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06658, cấp ngày 14/02/2007). Diện tích đất này ông T đang quản lý, sử dụng.

Đối với diện tích 300m^2 đất ở cũng như tài sản có trên đất ở tại thửa đất 100, tờ bản đồ số 29 nêu trên là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng bà. Diện tích đất còn lại là quyền sử dụng chung của hộ, gồm: Vợ chồng bà và 03 người con.

Các tài sản chung nói trên bà yêu cầu phân chia theo nội dung biên bản thỏa thuận tại Tòa án, biên bản định giá tài sản, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, cụ thể như sau:

- Phần ông Ngô Văn T được sở hữu, sử dụng**:** Diện tích đất 2243,6m^2 tại thửa đất số 884 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 tại thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Trong đó: 150m^2 đất ở và 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm) và tài sản xây dựng trên đất ở.

- Bà được sử dụng các tài sản:

+ Diện tích đất 713,6m^2 tại thửa đất số 888 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 tại thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Trong đó: 150m^2 đất ở và 563,6m^2 đất trồng cây hàng năm);

+ Diện tích 990m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06660, cấp ngày 14/02/2007);

+ Diện tích 540m^2 đất trồng lúa tại thửa đất 686, tờ bản đồ số 25 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06658, cấp ngày 14/02/2007).

- Anh Ngô Văn D (con của vợ chồng bà) được sử dụng**:** Diện tích 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 885 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyên T, tỉnh Bình Định.

- Chị Ngô Thị Thùy D1 (con của vợ chồng bà) được sử dụng: Diện tích 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 886 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Chị Ngô Thị Bích D2 (con của vợ chồng bà) được sử dụng: Diện tích đất 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 887 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

Tài sản ông T nhận có giá trị nhiều hơn bà nên bà yêu cầu ông T phải giao thêm cho bà một lần với số tiền là 30.000.000đ.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Ngô Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị L về thời gian sống chung và thời gian đăng ký kết hôn. Ông trình bày thêm: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L nghi ngờ ông có quan hệ ngoại tình với người khác, ông tức giận và có đánh bà L. Lần cuối cùng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên sống ly thân từ tháng 5/2016 vợ chồng sống ly thân. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Ông thống nhất như bà L trình bày và không có yêu cầu gì khác.

- Về tài sản chung: Thống nhất như nội dung trình bày và yêu cầu phân chia tài sản chung của bà L. Đối với diện tích đất mà các con là Ngô Văn D, Ngô Thị Thùy D1, Ngô Thị Bích D2 được chia phần thì để ông sử dụng, sau này các con trực tiếp sử dụng thì ông sẽ giao trả.

Tại phiên tòa, ông Ngô Văn T đồng ý phân chia tài sản chung như nội dung biên bản thỏa thuận tại tòa, biên bản định giá tài sản, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Ông đồng ý giao lại cho bà L số tiền 30.000.000đ về phần chênh lệch giá trị tài sản chung mà ông được nhận. Tuy nhiên khi nào ông làm có tiền sẽ giao cho bà L.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn D và các chị Ngô Thị Thùy D1, Ngô Thị Bích D2 thống nhất trình bày: Các anh chị đều đã lập gia đình riêng, sống tự lập và đủ điều kiện nuôi sống bản thân. Về phần tài sản chung: Các anh chị thống nhất như nội dung phân chia tài sản chung trong biên bản hòa giải của Tòa án và đều yêu cầu nhận đất để sử dụng.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 8, 9, 55, 59, 61, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn T; về con chung miễn xét; về tài sản chung giải quyết theo thỏa thuận của các bên đương sự; về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Văn D, Ngô Thị Thùy D1, Ngô Thị Bích D2 vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1987 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 03/12/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Sau khi đăng ký kết hôn, bà L và ông T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, với nguyên nhân: Vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau trong chuyện tình cảm, bà L nghi ngờ ông T ngoại tình, vợ chồng thường xuyên kình cãi. Ông T đã có hành vi đánh bà L, bạo lực trong gia đình. Bà L và ông T đều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 5/2016 đến nay. Như vậy có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L yêu cầu ly hôn và ông T cũng đồng ý là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có 03 người con chung tên: Ngô Văn D, sinh năm 1988, Ngô Thị Thùy D1, sinh năm 1989 và Ngô Thị Bích D2, sinh năm 1993. Các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Căn cứ vào các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nội dung biên bản hòa giải, kết quả định giá tài sản, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và lời khai của bà L, ông T tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa bà L và ông T cùng các con chung là anh D và các chị D1, D2, cụ thể như sau:

[4.1] **Phần ông Ngô Văn T được sở hữu, sử dụng:**

[4.1.2] Diện tích đất 2243,6m^2 tại thửa đất số 884 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, trong đó: 150m^2 đất ở có giá trị 15.675.000đ (Đất ở khu vực 2, hệ số 1,1: 95.000đ/m^2 x 1,1 x 150m^2); 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm có giá trị 84.790.800đ (Đất hạng 1, hệ số 1,5: 27.000đ/m^2 x 1,5 x 2093,6m^2). Vị trí giới cận thửa đất: Bắc giáp đường đất; Tây giáp đường đất; Đông và Nam giáp thửa đất 885 (Phần chia cho anh D). Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)*.

[4.1.3] Nhà ở cấp 4, mã hiệu N5, diện tích 90,6m^2, có giá trị: 2.840.000đ/m^2 x 90,6m^2 x 25% = 64.326.000đ; 01 chuồng bò, heo mã hiệu C4, xây gạch bao quanh cao 1m, nền láng vữa xi măng, mái ngói, diện tích 25,2m^2, có giá trị: 552.000đ/m^2 x 25,2m^2 x 0,6% = 83.462,4đ; 01 nhà tắm diện tích 03m^2 có giá trị: 3.298.000đ/m^2 x 03m^2 x 70% = 6.925.000đ; 01 giếng nước xây gạch, đường kính 1,5m, sâu 5m (mã hiệu G3) có giá: 1.173.000đ/m x 5m x 60% = 3.519.000đ (Các tài sản này xây dựng trên diện tích đất ở nêu trên).

[4.1.4] Các tài sản được chia nêu trên hiện ông Ngô Văn T quản lý, có tổng giá trị là: 175.319.262đ.

[4.2] **Phần bà Nguyễn Thị L được sử dụng các tài sản, gồm:**

[4.2.1] Diện tích 713,6m^2 đất tại thửa đất số 888 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, trong đó: 150m^2 đất ở có giá trị 15.675.000đ (Đất ở khu vực 2, hệ số 1,1: 95.000đ/m^2 x 1,1 x 150m^2); 563,6m^2 đất trồng cây hàng năm có giá trị 22.825.800đ (Đất hạng 1, hệ số 1,5: 27.000đ/m^2 x 1,5 x563.6m^2). Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa 887 (Phần chia cho chị D2); Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa 230; Bắc giáp thửa 887 (Phần chia cho chị D2). Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)*. Ông Ngô Văn T có nghĩa vụ giao lại diện tích đất này cho bà Nguyễn Thị L sử dụng.

[4.2.2] Diện tích 990m^2 đất trồng cây hàng năm khác (Đất hạng 6, vị trí 1) tại thửa số 229, tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06660, cấp ngày 14/02/2007), có giá trị:

27.000đ/m^2 x 990m^2 = 26.730.000đ. Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp đường đất; Tây giáp thửa đất số 227, 228; Nam giáp thửa đất số 225; Bắc giáp thửa đất số 102. Diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ này bà L đang quản lý, sử dụng.

[4.2.3] Diện tích 540m^2 đất trồng lúa (hạng 4, vị trí 1) tại thửa đất số 686, tờ bản đồ số 25 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06658, cấp ngày 14/02/2007), có giá trị: 30.000đ/m^2 x 540m^2 = 16.200.000đ. Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa đất số 685; Tây giáp thửa đất số 684, 228; Nam giáp bờ mương; Bắc giáp thửa đất số 687. Cần buộc ông T có nghĩa vụ giao lại diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ này cho bà L sử dụng.

[4.2.4] Tổng tài sản bà L được nhận nêu trên có giá trị: 81.430.800đ.

[4.3] Tổng giá trị tài sản chung giữa bà L và ông T là: 256.750.062 đồng. Tài sản chung chia 2, mỗi người được 128.375.031đ (Tài sản ông T nhận có tổng giá trị 175.319.262đ; tài sản bà L nhận có tổng giá trị 81.430.800đ). Tại phiên tòa, bà L và ông T thống nhất thỏa thuận: Ông T giao lại cho bà L số tiền chênh lệch chia tài sản là 30.000.000đ, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông T phải giao lại cho bà L số tiền 30.000.000đ ngoài giá trị tài sản bà L đã được nhận nêu trên. Như vậy: Ông T được nhận chia tài sản là 145.319.262đ; bà L được nhận chia tài sản là 111.430.800đ.

[4.4] Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc khi nào có thì mới giao cho bà L số tiền 30.000.000đ, vì bà L không đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật.

[4.5] Anh Ngô Văn D (con của bà L, ông T) được sử dụng: Diện tích 2093.6m^2 đất trồng cây hàng năm có giá trị 84.790.000đ (Đất hạng 1, hệ số 1,5: 27.000đ/m^2 x 1,5 x 2093,6m^2) tại thửa đất số 885 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa đất số 886 (Phần chia cho chị D1); Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa đất số 887 (Phần chia cho chị D2); Bắc giáp thửa đất số 884 (Phần chia cho ông T). Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)*. Cần buộc ông T có nghĩa vụ giao lại diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ này cho anh D sử dụng.

[4.6] Chị Ngô Thị Thùy D1 (con của bà L, ông T) được sử dụng: Diện tích 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm có giá trị 84.790.000đ (Đất hạng 1, hệ số 1,5: 27.000đ/m^2 x 1,5 x 2093,6m^2) tại thửa đất số 886 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 tại thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa đất số 98 (của hộ lân cận); Tây giáp thửa đất số 885 (Phần chia cho anh D); Nam giáp thửa đất số 887 (Phần chia cho chị D2); Bắc giáp đường đi và thửa đất số 96 của hộ lân cận. Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)*. Cần buộc ông T có nghĩa vụ giao lại diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ này cho chị D1 sử dụng.

[4.7] Chị Ngô Thị Bích D2 (con của bà L, ông T) được sử dụng: Diện tích 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm có giá trị 84.790.000đ (Đất hạng 1, hệ số 1,5: 27.000đ/m^2 x 1,5 x 2093,6m^2) tại thửa đất số 887 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa đất số 232; Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa đất số 888 (Phần chia cho bà L) và thửa đất số 230; Bắc giáp thửa đất số 886 (Phần chia cho chị D1). Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).* Cần buộc ông T có nghĩa vụ giao lại diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ này cho chị D2 sử dụng.

[5] Bà L, ông T, anh D, chị D1, chị D2 làm đầy đủ các thủ tục hành chính để UBND huyện T cấp giấy QSDĐ theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất được chia sử dụng nêu trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[6.1] Án ly hôn sơ thẩm: Cần buộc bà L chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003254 ngày 26/10/2017 Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6.2] Án phí chia tài sản chung: Cần buộc bà L, ông T, anh D, chị D1 và chị D2, mỗi người phải chịu 5% trong giá trị tài sản được chia.

[7] **Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ:** Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu số tiền 5.000.000đ đã chi phí Hội đồng định giá tài sản tranh chấp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 55, 59, 61, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn T.

2.Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn T cùng các con chung là anh Ngô Văn D, chị Ngô Thị Thùy D1, chị Ngô Thị Bích D2, cụ thể như sau:

- Ông Ngô Văn T được quyền sở hữu, sử dụng:

+ Diện tích đất 2243.6m^2 tại thửa đất số 884 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn Mỹ T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Trong đó: 150m^2 đất ở và 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm). Vị trí giới cận thửa đất: Bắc giáp đường đất; Tây giáp đường đất; Đông, Nam giáp thửa đất số 885 (phần chia cho anh D). Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).*

+ Nhà ở cấp 4, mã hiệu N5, diện tích 90.6m^2; 01 Chuồng bò, heo diện tích: 25,2m^2; 01 nhà tắm diện tích: 03m^2; 01 giếng nước xây gạch, đường kính 1,5m, sâu 5m (Các tài sản này xây dựng trên diện tích đất ở nêu trên).

Ông Ngô Văn T có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* về khoản chia tài sản.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn T về việc khi nào có tiền mới giao cho bà Nguyễn Thị L 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng),* vì bà L không đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng:

+ Diện tích đất 713,6m^2 tại thửa đất số 888 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Trong đó: 150m^2 đất ở và 563,6m^2 đất trồng cây hàng năm). Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa đất số 887 (Phần chia cho chị D2); Tây giáp đường đi: Nam giáp thửa đất số 230; Bắc giáp thửa đất số 887 (Phần chia cho chị D2). Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).*

+ Diện tích 990m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất 229, tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06660, cấp ngày 14/02/2007). Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp đường đất; Tây giáp thửa đất số 227, 228; Nam giáp thửa đất số 225; Bắc giáp thửa đất số 102. Diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ này bà Nguyễn Thị L đang quản lý, sử dụng.

+ Diện tích 540m^2 đất trồng lúa tại thửa đất số 686, tờ bản đồ số 25 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06658, cấp ngày 14/02/2007). Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa đất số 685; Tây giáp thửa đất số 684, 228; Nam giáp bờ mương; Bắc giáp thửa đất số 687. Buộc ông Ngô Văn T có nghĩa vụ giao diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ này cho bà Nguyễn Thị L sử dụng.

+ Bà Nguyễn Thị L được nhận số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* về khoản chia tài sản chung do ông Ngô Văn T giao.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Văn T không tự nguyện thi hành số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- **Anh Ngô Văn D được quyền sử dụng:** Diện tích 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 885 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa đất số 886 (Phần chia cho chị D1); Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa đất số 887 (Phần chia cho chị D2); Bắc giáp thửa đất số 884 (Phần chia cho ông T). Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).*

Buộc ông Ngô Văn T có nghĩa vụ giao diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ nêu trên cho anh Ngô Văn D sử dụng.

- C**hị Ngô Thị Thùy D1 được quyền sử dụng:** Diện tích 2093,6m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 886 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 tại thôn Mỹ T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa đất số 98 (của hộ lân cận); Tây giáp thửa đất số 885 (Phần chia cho anh D); Nam giáp thửa đất số 887 (phần chia cho chị D2); Bắc giáp đường đi và thửa đất số 96 của hộ lân cận. Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).*

Buộc ông Ngô Văn T có nghĩa vụ giao diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ nêu cho chị Ngô Thị Thùy D1 sử dụng.

- **Chị Ngô Thị Bích D2 được quyền sử dụng:** Diện tích 2093.6m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 887 (tách ra từ thửa đất số 100), tờ bản đồ số 29 ở thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Vị trí giới cận thửa đất: Đông giáp thửa 232; Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa đất số 888 (Phần chia cho bà L) và thửa thửa đất số 230; Bắc giáp thửa đất số 886 (Phần chia cho chị D1). Diện tích đất và giới cận thửa đất được thể hiện trên sơ đồ bản vẽ *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).*

Buộc ông Ngô Văn T có nghĩa vụ giao diện tích đất tại số thửa, số tờ bản đồ nêu trên cho chị Ngô Thị Bích D2 sử dụng.

3. Bà Nguyễn Thị L, ông Ngô Văn T, anh Ngô Văn D, chị Ngô Thị Thùy D1, chị Ngô Thị Bích D2 làm đầy đủ các thủ tục hành chính để UBND huyện T cấp giấy QSDĐ theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất được chia sử dụng nêu trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003254 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí chia tài sản chung:

+ Ông Ngô Văn T chịu án phí: 145.319.262đ x 5% = 7.265.963đ *(Bảy triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng).*

+ Bà Nguyễn Thị L chịu án phí: 111.430.800đ x 5% = 5.571.540đ *(Năm triệu năm trăm bảy mươi mốt ngàn năm trăm bốn chục đồng)*.

+ Các anh chị Ngô Văn D, Ngô Thị Thùy D1, Ngô Thị Bích D2 mỗi người chịu án phí: 4.239.500đ *(Bốn triệu hai trăm ba mươi chín ngàn năm trăm đồng).*

5. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu số tiền 5.000.000đ đã chi phí Hội đồng định giá tài sản tranh chấp nên cần được chấp nhận.

6 Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại UBND cấp xã – nơi cư trú.

** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thành Tân